TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/02/2023.
Về việc: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

2. Ông Trần Công Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Phạm Huy Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2426/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/02/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Dương Thị Hồng Th, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Ph, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Hữu V, sinh năm 1990;

Địa chỉ: 241/12, Đường TQ, khu phố 2, phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Th có đơn xin vắng mặt; ông V vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Dương Thị Hồng Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Hữu V chung sống với nhau có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (theo

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54/2021 ngày 11/06/2021), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Thời gian gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên tới đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Nhiều lần cả hai đã cố gắng lắng nghe, hàn gắn để thấu hiểu nhau nhưng mẫu thuẫn không được giải quyết dứt điểm mà ngày càng trở nên trầm trọng, tình cảm ngày càng nguội lạnh. Hiện nay vợ chồng mỗi người mỗi nơi, mỗi cuộc sống riêng, không quan tâm, qua lại, gần gũi hay thăm hỏi gì nhau, đến nay bà Th nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông V, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Hữu V.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Phạm Hữu Kh, sinh ngày 20/6/2021. Ly hôn, bà Th đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con. Việc cấp dưỡng nuôi con, bà Th không có yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: bà Th khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà Th khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn nhưng bị đơn (ông V) từ chối nhận, Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đối với bị đơn; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, không có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, ông Phạm Hữu V vẫn vắng mặt.

** Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng.

Việc tuân theo pháp luật của các bên đương sự: nguyên đơn thực hiện đúng; bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự quy định.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài tiệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Th là có cơ sở, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th, giải quyết cho bà Th được ly hôn với ông V.

Về con chung: Đề nghị giao bà Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con Phạm Hữu Kh, sinh ngày 20/6/2021. Tạm thời ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Do ông V vắng mặt và không có lời khai, đề nghị không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

- Về án phí HNGĐ-ST: Bà Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Phạm Hữu V, cư trú tại địa chỉ: 241/12, Đường Trương Quyền, khu phố 2, phường Tân Mai, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đối với nguyên đơn bà Dương Thị Hồng Th đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Phạm Hữu V, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Th và ông V tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Ph, tỉnh Bình Định (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54/2021 ngày 11/06/2021). Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, bà Th nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông V, theo bà Th trình bày nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, nhiều lần cả hai đã cố gắng lắng nghe, hàn gắn nhưng mẫu thuẫn không được giải quyết dứt điểm mà ngày càng trở nên trầm trọng, tình cảm ngày càng nguội lạnh. Do không chung sống với nhau được, nên vào đầu năm 2022 bà Th đã trở về quê tự lập nuôi con, hiện nay vợ chồng mỗi người mỗi nơi, mỗi cuộc sống riêng, không quan tâm, qua lại, gần gũi hay thăm hỏi gì nhau, tình cảm vợ chồng không còn, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Qua xác minh về việc mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương nơi cư trú của vợ chồng bà Th, ông V trước khi sống ly thân, mặc dù địa phương không nắm rõ mâu thuẫn của vợ chồng, nhưng thực tế hiện nay thì vợ chồng bà Th, ông V đã không còn chung sống với nhau, bà Th và con đã về quê chỉ còn ông V sinh sống tại địa chỉ 241/12, Đường TQ, khu phố 2, phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, có căn cứ xác định nguyên nhân và lý do bà Th yêu cầu được ly hôn với ông V theo như bà Th đã trình bày phần trên là có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông V vẫn vắng mặt không lý do, chứng tỏ ông V đã tự bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ

khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th, giải quyết cho bà Th được ly hôn với ông V để trả tự do cho cả hai người.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên là Phạm Hữu Kh, sinh ngày 20/6/2021. Ly hôn, bà Th có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Quá trình giải quyết vụ án, bà Th cung cấp đơn xác nhận của Công an xã C và UBND xã C, huyện Ph, tỉnh Bình Định xác nhận bà Th là người có nhân thân tốt, có hộ khẩu thường trú và nơi ở hợp pháp tại Thôn T, xã C, huyện Ph, tỉnh Bình Định, hiện tại đang nuôi dưỡng con Phạm Hữu Kh rất tốt, luôn bảo vệ tốt các quyền và lợi ích hợp pháp của con; công việc hiện tại của bà Th đang làm thợ may tại nhà và có thu nhập. Xét thấy, hiện nay cháu Kh còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), về điều kiện thực tế và khả năng chăm sóc con hiện nay, bà Th là người có đủ điều kiện nuôi con, không bị hạn chế quyền nuôi con theo pháp luật, nên nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con của bà Th là chính đáng và phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà Th không yêu cầu, nên tạm thời ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà Th trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: bà Th khai không có và không yêu cầu Toà án giải quyết. Tuy nhiên, do không có lời khai của ông V nên tài sản chung, nợ chung, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6.] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Dương Thị Hồng Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu "Ly hôn" của bà Dương Thị Hồng Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Hồng Th được ly hôn với ông Phạm Hữu V.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên là Phạm Hữu Kh, sinh ngày 20/6/2021. Ly hôn. giao bà Dương Thị Hồng Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Hữu Kh.

Tạm thời ông Phạm Hữu V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà Th trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Dương Thị Hồng Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 0003995 ngày 30/9/2022.

5. Bà Dương Thị Hồng Th và ông Phạm Hữu V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Hùng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND TP Biên Hòa (1);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- UBND xã C, huyện Ph, tỉnh Bình Định (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Danh **Nguyễn Thị Kim Chi** **Trần Văn Hùng**